

Bản án số: 50/2018/DS-PT
Ngày 15/6/2018
V/v “T/c hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quang

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hiếu

Ông Phạm Trung Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Tình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Ông Nguyễn Hồ Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2018/TLPT-DS ngày 08 tháng 3 năm 2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 110/2017/DSST ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 38/2018/QĐ-PT ngày 21/5/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Văn S, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường G, phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn L, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: đường B, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đặng Minh T, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường G, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường B, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Hoàng Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Đặng Văn S và người đại diện theo ủy quyền của ông S là ông Lê Văn L trình bày trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ông S có quan hệ bạn bè với ông Hoàng Văn Đ và ông Đặng Minh T.

Vì trước đó ông T vay của ông S 200.000.000đ chưa trả nên khi ông T cần tiền hỏi vay thêm thì ông S không cho vay nên đã giới thiệu ông T đến vay tiền của ông Đ. Tuy nhiên tại thời điểm đó ông Đ không có đủ tiền nên tháng 10/2016 ông S đã đưa cho ông Đ vay 170.000.000đ (tại nhà ông Đ), lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng. Vì bạn bè thân thiết nên khi ông S cho ông Đ vay tiền không lập giấy vay tiền và giấy biên nhận tiền. Ông Đ đã dùng số tiền này cùng với 30.000.000đ của ông Đ để cho ông T vay tổng cộng là 200.000.000đ. Ông S biết ông Đ dùng số tiền vay của ông S cho ông T vay lại nên để đảm bảo cho khoản vay này, ông S có giữ của ông T một bộ bàn ghế giá trị khoảng 200.000.000đ nhưng do nhà chật, ông S đã gửi nhờ tại khách sạn của ông Đ. Sau đó ông Đ còn cho ông T vay thêm một số tiền và ông T có thể chấp một xe ô tô Inovar cho ông Đ.

Sau khi vay tiền, ông Đ đã trả cho ông S 03 tháng tiền lãi, tháng đầu tiên là 8.500.000đ, 02 tháng sau ông S nhận từ ông T 8.500.000đ nhưng ông S đưa lại cho ông Đ 500.000đ. Sau đó các tháng tiếp theo ông Đ không trả cho ông S một khoản tiền lãi nào.

Tháng 5/2017, ông S có nhu cầu mua xe đã yêu cầu ông Đ thanh toán 170.000.000đ và tiền lãi 30.000.000đ, ông Đ hứa sẽ thanh toán nhưng sau đó ông T và ông Đ đã thỏa thuận với nhau là ông Đ lấy bộ bàn ghế để trừ nợ nhưng ông Đ lại không thanh toán tiền cho ông S.

Nay ông S yêu cầu ông Đ phải thanh toán cho ông S 170.000.000đ tiền gốc và lãi là 30.000.000đ. Ông S khẳng định số tiền ông cho ông Đ vay là tiền riêng của ông, không phải là tiền chung của vợ chồng nên không đưa vợ ông vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L đại diện theo ủy quyền của ông S yêu cầu ông Đ phải thanh toán cho ông S 170.000.000đ tiền gốc và tiền lãi từ tháng 02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm làm tròn 10 tháng, tương ứng với mức lãi suất được quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015 là 20%/năm.

Bị đơn ông Hoàng Văn Đ trình bày:

Ông Đ chỉ có quan hệ bạn bè với ông S, ông S là bạn của ông T, ông Đ không quen biết ông T.

Tháng 10/2016, ông T Giám đốc Công ty TNHH Thương Mại sản xuất T cần tiền nên ông S đã giới thiệu ông T với ông Đ để vay 200.000.000đ, lãi suất 5%/tháng, nhưng khi đó ông Đ chỉ có 30.000.000đ. Vì ông S và ông T là chỗ bạn bè thân thiết, ông S không muốn ra mặt nên ông S có đề xuất với ông Đ là ông S sẽ đưa cho ông Đ 170.000.000đ cùng với 30.000.000đ của ông Đ đủ 200.000.000đ cho ông T vay lấy lãi.

Sau khi ông S đưa 170.000.000đ cho ông Đ (việc ông S đưa tiền hai bên không lập giấy vay hay biên nhận tiền) thì ngày 14/10/2016, ông Đ và ông T có viết giấy biên nhận vay tiền với nội dung: Ông T vay của ông Đ 200.000.000đ, thời hạn vay là 01 năm, không thỏa thuận lãi suất trong giấy vay nhưng hai bên có thỏa thuận miệng là 5%/tháng. Ông Đ đã giao đủ 200.000.000đ cho ông T tại nhà của ông Đ (số 698 đường B, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), có sự chứng kiến của ông S.

Sau khi vay tiền ông T đã trả trực tiếp cho ông Đ 03 tháng tiền lãi (tháng 11/2016, 12/2016, 01/2017), lãi mỗi tháng 10.000.000đ, ông Đ giữ lại 1.500.000đ, còn lại đưa cho ông S 8.500.000đ. Tháng 02/2017 thì ông S là người trực tiếp nhận tiền lãi từ ông T và có giao lại cho ông Đ 1.500.000đ. Từ tháng 03/2017 cho đến nay, ông T chưa thanh toán cho ông Đ thêm bất kỳ số tiền nào.

Bên cạnh đó thì ngày 23/12/2016, ông Đ cho ông T vay thêm 400.000.000đ, và ngày 28/12/2016 là 50.000.000đ, tổng cộng là 450.000.000đ, hai bên có lập giấy vay, thời hạn vay là 03 tháng, ông T có thể chấp chiếc xe Inovar cho ông Đ.

Sau đó, ông T bán xe trả cho ông Đ 250.000.000đ, đồng thời giữa ông T và ông Đ có cân trừ số nợ vay bằng bộ bàn ghế mà cả hai thống nhất giá là 160.000.000đ nên ông T còn nợ ông Đ 330.000.000đ, trong đó gồm: 200.000.000đ tiền gốc ông Đ và ông S cho ông T vay ngày 14/10/2016 và 40.000.000đ tiền gốc còn lại trong khoản vay 450.000.000đ ngày 23/12/2016 và 28/12/2016, tiền lãi chưa nhận là 90.000.000đ.

Ông Đ khẳng định ông Đ không vay tiền của ông S mà ông S và ông Đ cùng góp chung tiền để cho ông T vay, lãi hàng tháng cả hai cùng hưởng. Hiện nay số tiền này ông T chưa thanh toán cho ông Đ nên ông Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông S. Đối với số tiền lãi đã thanh toán, ông Đ không có ý kiến gì và không tranh chấp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đặng Minh T trình bày: Ông T và ông S, ông Đ là bạn bè. Việc ông S khởi kiện yêu cầu ông Đ phải thanh toán 200.000.000đ, trong đó có 170.000.000đ tiền gốc và 30.000.000đ tiền lãi thì ông T không biết gì về việc vay tiền hay đưa tiền giữa ông S và ông Đ nên ông T không có ý kiến gì. Ông T khẳng định không biết việc giữa ông S và ông Đ cùng góp chung tiền cho ông vay.

Ông T thừa nhận, ngày 14/10/2016 thì ông T có thể chấp cho ông Đ một bộ bàn ghế trị giá 200.000.000đ để vay của ông Đ 200.000.000đ với lãi suất 5%/ tháng, thời hạn vay 01 năm. Ông Đ đã giao đủ 200.000.000đ cho ông T tại nhà của ông Đ đường B, phường R, thành phố V, khi vay có lập giấy vay tiền. Sau đó, do khó khăn ông T không có khả năng thanh toán bằng tiền mặt, nên ông T đã đồng ý cân trừ bộ bàn ghế này vào số tiền vay 200.000.000đ của ông Đ. Do điều kiện hiện nay ông T bận công việc, không có thời gian tham gia các buổi làm việc, hòa giải, cũng như xét xử vụ án tại Tòa án nhân dân thành phố V nên đề nghị được vắng mặt trong tất cả quá trình tố tụng tại Tòa án.

2. Bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà là vợ của ông Đ, bà có biết việc ông S đưa tiền cho ông Đ để cho ông T vay. Việc tranh chấp giữa ông S và ông Đ để hai ông tự giải quyết, bà không có liên quan gì.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 110/2017/DSST ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Đ. Buộc ông Đ có nghĩa vụ trả cho ông S tổng số tiền

là 198.900.000đ (Một trăm chín mươi tám triệu, chín trăm ngàn đồng), trong đó 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) tiền gốc và 28.900.000đ (Hai mươi tám triệu chín trăm ngàn đồng) tiền lãi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí, thời hiệu thi hành án, và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 08/01/2018, ông Đ có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 110/2017/DS-ST ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V với lý do: Do ông S muốn cho ông T vay tiền nhưng lại không muốn ra mặt nên đưa cho ông Đ 170.000.000đ, ông Đ góp thêm 30.000.000đ để đưa cho ông T vay với lãi suất 5%/tháng. Chính vì vậy nên ông S không có giấy tờ vay mượn với ông T mà ông Đ đứng ra đại diện lập giấy vay tiền với ông T. Tiền lời mỗi tháng là 10.000.000đ nhưng ông Đ chỉ nhận 1.500.000đ tương đương với số tiền 30.000.000đ mà ông Đ cho ông T vay còn lại 8.500.000đ tiền lãi là ông S nhận. Đến các tháng tiếp theo (khoảng 5-6 tháng) ông S trực tiếp lấy tiền lời từ ông T và đưa cho ông Đ 1.500.000đ còn lại ông S giữ. Như vậy rõ ràng ông Đ và ông S góp tiền để cho ông T vay nên ông Đ không đồng ý với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Đ trình bày và có quan điểm: Ông Đ không vay tiền của ông S mà ông Đ và ông S cùng góp chung cho ông T vay 200.000.000đ, trong đó tiền của ông S là 170.000.000đ, tiền của ông Đ là 30.000.000đ. Ông Đ thừa nhận đã nhận bộ bàn ghế trị giá 200.000.000đ từ ông T để cản trừ nợ nhưng là cản trừ đối với khoản ông T vay của ông Đ 450.000.000đ chứ không phải đối với khoản vay 200.000.000đ, nên ông Đ không chấp nhận yêu cầu của ông S.

- Ông L đại diện theo ủy quyền của ông S thừa nhận trong số tiền 200.000.000đ ông Đ đại cho ông T vay thì tiền của ông S là 170.000.000đ, và tiền của ông Đ là 30.000.000đ. Do ông T đã giao bộ bàn ghế trị giá 200.000.000đ cho ông Đ để cản trừ nợ đối với khoản vay này nên tại phiên tòa phúc thẩm ông S yêu cầu ông Đ phải trả cho ông S 170.000.000đ tiền gốc mà không yêu cầu trả lãi.

Sau khi nghe Hội đồng xét xử phúc thẩm giải thích thì ông Đ và ông L đại diện theo ủy quyền của ông S đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án như sau:

- Trong số tiền 200.000.000đ ông Đ cho ông T vay theo “Giấy biên nhận vay tiền” lập ngày 14/10/2016 gồm có 170.000.000đ của ông S và 30.000.000đ của ông Đ.

- Do ông T đã giao cho ông Đ 01 bộ bàn ghế gỗ mun (06 món, tay cầm cỡ 12) trị giá 200.000.000đ để cản trừ khoản nợ 200.000.000đ đã vay từ ông Đ theo “Giấy biên nhận vay tiền” lập ngày 14/10/2016, nên ông Đ có trách nhiệm giao trả lại cho ông S 170.000.000đ để được toàn quyền sở hữu bộ bàn ghế nói trên.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông S tự nguyện chịu.

**** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:***

Những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật; Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ và ông L đại diện theo ủy quyền của ông S đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm theo nội dung ghi nhận nêu trên.

Ông Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2017/DSST ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V như sau:

- Trong số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) ông Hoàng Văn Đ cho ông Đặng Minh T vay theo “Giấy biên nhận vay tiền” lập ngày 14/10/2016 gồm có 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) của ông Đặng Văn S và 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) của ông Hoàng Văn Đ.

- Do ông Đặng Minh T đã giao cho ông Hoàng Văn Đ 01 bộ bàn ghế gỗ mun (06 món, tay cầm cỡ 12) trị giá 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) để cầm trả khoản nợ 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) đã vay từ ông Hoàng Văn Đ theo “Giấy biên nhận vay tiền” lập ngày 14/10/2016, nên ông Hoàng Văn Đ có trách nhiệm giao trả lại cho ông Đặng Văn S 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) để được toàn quyền sở hữu bộ bàn ghế nói trên.

Kể từ ngày ông S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đ không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông Đ còn phải trả cho ông S khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

*** Về án phí:**

- **Án phí dân sự sơ thẩm:** Ông Đặng Văn S phải nộp 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Đặng Văn S đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số TU/2016/0006539 ngày 18/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V. Ông Đặng Văn S còn phải nộp tiếp 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

- **Án phí dân sự phúc thẩm:** Ông Hoàng Văn Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), khấu vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Hoàng Văn Đ đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số TU/2017/0000257 ngày 11/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, như vậy ông Hoàng Văn Đ đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 15/6/2018).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Quang